

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HSST
Ngày: 28-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Trị.
Ông Nguyễn Hữu Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T3, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T3 tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T3, tỉnh Bình Định xét xử công khai sơ T4 vụ án hình sự thụ lý số 02/2023/HSST ngày 04/01/2023 theo Quyết định đưa ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HS ngày 13/01/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1997. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn T2, xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông: Nguyễn Văn H (sinh năm: 1966). Con bà: Lê Thị Thu T (sinh năm: 1967). Trú tại: thôn T2, xã B, huyện T3, Bình Định. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con lớn trong gia đình. Chồng: Lâm Văn Đ, sinh năm: 1992 hiện làm nông và sinh sống tại thôn T2, xã B, huyện T3, Bình Định. Con: có 01 người, sinh ngày 09/03/2021. Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 28/09/2021, bị Cơ quan CSĐT- Công an huyện Tây Sơn khởi tố bị can về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 1990 (vắng);
Trú tại: thôn P, xã X, huyện T3, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 (vắng mặt);
Trú tại: thôn T2, xã B, huyện T3, Bình Định.

- Người làm chứng:

+ Võ Văn H1, sinh năm 1981 (có mặt); Nguyễn Thị Xuân T5, sinh năm 1985

(vắng mặt);

Đồng trú: 09 NT, thị trấn P, huyện T3, Bình Định.

+ Lâm Văn Đ, sinh năm 1992 (có mặt);

Trú tại: thôn T2, xã B, huyện T3, Bình Định.

+ Bùi Thị Lệ H2, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Trú tại: 37 NS, thị trấn P, huyện T3, Bình Định.

+ Huỳnh Văn C, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Trú tại: Khối X, thị trấn P, huyện T3, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 06/2021, do anh Lâm Văn Đ (chồng của Nguyễn Thị Hồng T) làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh bị thua lỗ, cần tiền để trả nợ và tiếp tục làm ăn nên T pH1 đi vay mượn tiền ở nhiều nơi trên địa bàn huyện T3 để gửi cho chồng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Trong thời điểm này, T biết được thông tin chị Nguyễn Thị Ngọc T4 có cho vay tiền nên liên hệ với chị T4 hỏi vay tiền nhưng chị T4 nói muốn vay tiền thì cần có tài sản thế chấp như xe cộ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ... Do đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà nội là Phạm Thị B nên ngày 23/6/2021, T hẹn gặp chị T4 tại quán cà phê MN thuộc thôn Y - xã B - huyện T3 - Bình Định để vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phạm Thị B, có số CMND là 210920676, địa chỉ tại xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định, có số phát hành là L247916. Chị T4 cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đưa xem và nói giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là mẫu cũ (tức là bìa sổ màu đỏ) nên không thể vay được và yêu cầu pH1 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo mẫu mới (tức là bìa sổ màu hồng) thì mới cho vay. Vì biết ở nhà có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có bìa màu hồng của cha mẹ nên T hứa sẽ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác theo yêu cầu của chị T4 để đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B, chị T4 đồng ý và yêu cầu T viết giấy mượn tiền, ghi rõ thời hạn trả tiền là ngày 23/10/2021.

Vài ngày sau, cha mẹ T hỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B để làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới thì lúc này T mới nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho chị T4 để đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B mang về đưa cho cha mẹ. Do trước đó, T có lướt facebook tình cờ thấy trang “*Giấy tờ Siêu tốc - Uy tín - Giá rẻ*” nên đã lên mạng nhắn cho trang facebook này thông qua ứng dụng Messenger, nói cần mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và được trang facebook này báo giá mỗi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), đồng thời yêu cầu T cung cấp thông tin về diện tích đất, tọa độ và mục đích sử dụng đất nhưng T không biết nên chỉ cung cấp được các thông tin về họ và tên, nơi ở, ngày sinh và số chứng minh nhân dân. Ngày hôm sau, T vô tình nhìn thấy 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên facebook nên đã nhắn tin cho trang facebook

“*Giấy tờ Siêu tốc - Uy tín - Giá rẻ*” cung cấp thêm thông tin về diện tích đất, còn tọa độ và mục đích sử dụng đất thì T để trang facebook trên tự làm. Khoảng 2 - 3 ngày sau, trang facebook trên nhắn tin cho T và gửi hình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả thông qua ứng dụng Messenger để T kiểm tra, đồng thời yêu cầu T chuyển khoản trước số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) để đặt cọc. T đồng ý và đến một cửa hàng điện thoại di động (không xác định được địa chỉ cụ thể) chuyển tiền cho trang facebook trên theo số tài khoản mà họ đã cung cấp, hiện T không còn nhớ số tài khoản này. Tiếp đó, T sử dụng hình ảnh của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mà trang facebook trên cung cấp, đi hỏi nhiều nơi để vay tiền nhưng không được. Sau đó khoảng 01 ngày, trang facebook này tiếp tục nhắn tin cho T nói đã làm xong, sẽ gửi thêm một số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để dự phòng và yêu cầu chuyển đủ số tiền còn lại là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), T đồng ý và đến một cửa hàng điện thoại di động ở thị trấn P (không rõ địa chỉ) để chuyển tiền.

Khoảng gần một tuần sau, T nhận được 01 phong bì có chứa 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả do một người đàn ông (không rõ lai lịch) đem đến. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đều ghi tên Nguyễn Thị Hồng T, năm sinh: 1997, CMND số: 215399149 và ghi giả số phát hành lần lượt là BL 802019, CS 603162, CY 083732 và CS 603162. T mang 01 cái có ghi giả số phát hành là BL 802019 đến đưa cho chị T4 để đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đưa trước đó. Đến ngày 03/7/2021, T tiếp tục mang thêm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả khác có ghi giả số phát hành là CS 603162 đến nhà chị T4 để vay thêm 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) và có viết giấy mượn tiền, ghi rõ thời gian trả nợ là ngày 03/11/2021. Tất cả số tiền vay được của chị T4, T dùng để trả nợ và gửi cho anh Đ làm ăn, Anh Đ có hỏi T về nguồn gốc số tiền nhưng T chỉ trả lời là mượn của người quen mà có, tin tưởng vợ nên anh Đ không hỏi gì thêm.

Vào khoảng giữa tháng 7/2021, không xác định thời gian cụ thể, do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài, anh Đ tiếp tục làm ăn thua lỗ nên về quê sinh sống, trồng trọt, chăn nuôi để kiếm tiền trả nợ. Sau đó, vì thiếu tiền trả nợ và tiền lãi nên T tiếp tục nảy sinh ý định dùng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả còn lại để thế chấp vay tiền của người khác. Qua tìm hiểu, T biết được anh Nguyễn Việt T6 có cho vay tiền nên tìm đến để vay tiền. Khoảng 08 giờ ngày 06/8/2021, T một mình điều khiển xe mô tô biển số 77H1-265.76 của gia đình mang theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả bỏ trong cốp xe đến nhà anh T6 để hỏi vay tiền. Anh T6 nói không còn cho vay nữa và giới thiệu T đến nhà anh Võ Văn H1 để vay. Trước khi đi, T gọi điện thoại cho anh Đ nói đến nhà người quen mượn tiền chứ không nói rõ mượn tiền ai. T cùng với anh T6 đến nhà gặp anh H1, T nói cần vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và đưa cho anh H1

một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả có ghi số phát hành là CY 083732 cho anh H1 xem, T nói sẽ thế chấp sổ này. Anh H1 xem thấy nghi ngờ nên yêu cầu T cung cấp thêm bản photo chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và sổ hộ khẩu thì mới đồng ý cho vay, T đồng ý và điều khiển xe mô tô về nhà lấy các loại giấy tờ nêu trên đi photo, anh T6 cũng ra về lúc đó. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, sau khi photo các giấy tờ theo yêu cầu của anh H1 xong, T một mình đến nhà anh H1 đưa các giấy tờ trên cho anh H1 xem. Anh H1 cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên đưa cho chị Nguyễn Thị Xuân T5 (vợ anh H1) mang đi đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình mình. Chị T5 cùng với chị Bùi Thị Lệ H2 (bạn của chị T5) cùng nhau vào phòng ngủ của nhà anh H1 lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ra đối chiếu thì thấy có nhiều điểm bất thường nên đã nói lại cho anh H1 biết. Do nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đưa là giả nên anh H1 yêu cầu T viết 01 giấy mượn tiền và nói cần có chữ ký của chồng T, mục đích là để anh H1 có thời gian gọi điện thoại cho anh Huỳnh Văn C (là Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T3) nhờ đến nhà anh H1 xem giấy chứng nhận này là giả hay thật. T gọi điện thoại và chỉ đường cho anh Đ lúc này đang bán dưa lê ở bờ kè sông Kôn đến nhà anh H1, anh Đ nói: “Mượn tiền gì mà rườm rà dữ vậy”, do anh Đ không biết việc T sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để vay tiền. Khi đến nhà anh H1, anh Đ rất vội, chỉ kịp giới thiệu là chồng của T, do còn bán dưa lê mà không ai trông coi nên anh Đ vội ký vào giấy mượn tiền rồi lập tức đi ngay mà không hỏi gì về việc T mượn tiền như thế nào. Sau khi anh Đ đi được một lúc thì anh C đến xem các thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đưa cho anh H1, xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là giả nên anh H1 đã gọi điện báo cáo sự việc với cơ quan Công an. Công an thị trấn P phối hợp với Công an huyện T3 đến nhà anh H1 lập biên bản ghi nhận sự việc và mời T về trụ sở Công an thị trấn P để làm việc. Sau đó, anh Đ cũng được mời đến Công an thị trấn P để làm việc thì mới biết việc T sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để vay mượn tiền anh H1.

Qua quá trình làm việc, Nguyễn Thị Hồng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan CSĐT- Công an huyện T3 đã T6 hành kiểm tra xe mô tô BKS 77H1-265.76 mà T điều khiển, phát hiện và thu giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả có ghi số phát hành là CS 603162, ghi tên Nguyễn Thị Hồng T.

Vào ngày 09/6/2021, do sợ chị T4 biết chuyện sẽ báo cáo cơ quan Công an nên T đã kể lại cho anh Đ biết là mình còn dùng thêm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả khác để thế chấp vay tiền của chị T4 để trả nợ và gửi cho anh Đ làm ăn nên anh Đ cùng T đến nhà chị T4 trình bày rõ mọi việc với chị T4, chị T4 không nói gì và lấy 02 giấy mượn tiền trước đây bị cáo T đã ký, nói anh Đ ký tên vào để đảm bảo việc trả nợ đúng hạn. Đến ngày 24/11/2021, đã quá hạn trả nợ nhưng T chưa trả đủ tiền nên chị T4 đã làm đơn tố cáo T và cung cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất giả còn lại. Cơ quan CSĐT- Công an huyện T3 đã mời T làm việc và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 Điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6S Plus, vỏ màu vàng, số IMEI 355734078408262, số máy MN2X2VN/A, số seri F2LYGDXXSHFM4, có gắn sim số 0329.530.243.

- 01 tờ giấy màu hồng, có những nội dung:

Mặt trước có ghi: “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT”, và những thông tin như:

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà : NGUYỄN THỊ HỒNG T

Năm sinh: 1997, CMND số: 215399149

Địa chỉ thường trú: thôn T2, xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định và dòng chữ: CY 083732.

Mặt trong có ghi: Thừa đất số 74, tờ bản đồ số 12, địa chỉ Thôn T2, xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định, diện tích 510m² (bằng chữ: Năm trăm mười mét vuông), hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất ở 510 m², thời hạn sử dụng: Đất ở: Lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 510m²; Ở góc dưới thể hiện nội dung: Bình Định, ngày 5 tháng 8 năm 2021, SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH ĐỊNH, TUQ. GIÁM ĐỐC SỞ, GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, có chữ ký, đóng dấu màu đỏ và một số nội dung khác.

- 01 tờ giấy màu hồng, có những nội dung sau:

Mặt trước có ghi: “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT”, và những thông tin như:

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà : NGUYỄN THỊ HỒNG T

Năm sinh: 1997, CMND số: 215399149

Địa chỉ thường trú: xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định và dòng chữ: CS 603162.

Mặt trong có ghi: Thừa đất số: 2059, tờ bản đồ số: 43, địa chỉ: Thôn 2, xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định, diện tích: 437m² (bằng chữ: Bốn trăm ba bảy mét vuông), hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất ở 100m², Đất trồng cây lâu năm: 337m², thời hạn sử dụng: Đất ở: Lâu dài, Đất trồng cây lâu năm: 10/2044, nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng: 100m², Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất: 337m²; Ở góc dưới thể hiện nội dung: Bình Định, ngày 10 tháng 10 năm 2017, SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH ĐỊNH, TUQ. GIÁM ĐỐC SỞ, GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, có chữ ký, đóng dấu màu đỏ và một số nội dung khác.

- 01 tờ giấy học sinh, có những nội dung như sau: GIẤY MUỘN TIỀN; Tôi tên: Nguyễn Hồng T, sinh năm 1997, trú tại thôn T2, xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định; Chồng tên: Lâm Văn Đ, sinh năm 1992, trú tại thôn HS, xã BT, huyện T3, tỉnh Bình Định; PP, ngày 6 tháng 8 năm 2021 và có 02 chữ ký ghi đầy đủ họ tên là Lâm Văn Đ ở góc dưới bên trái và Nguyễn Thị Hồng T ở góc dưới bên phải.

- 01 bản photo Giấy chứng nhận kết hôn giữa Nguyễn Thị Hồng T và Lâm Văn Đ;

- 01 bản photo Giấy chứng minh nhân dân ghi tên Nguyễn Thị Hồng T;

- 01 bản photo Sổ hộ khẩu gia đình có ghi tên chủ hộ NGUYỄN VĂN H;

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: VISION, màu đen, gắn biển số: 77H1 – 265.76; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 026947 có tên chủ xe: NGUYỄN VĂN H – 1966, địa chỉ: T2 - B - T3 - Bình Định, các thông tin khác: nhãn hiệu: HONDA, loại VISION, màu sơn đen, biển số đăng ký: 77H1 – 265.76.

- 01 tờ giấy màu hồng, có những nội dung:

Mặt trước có ghi: “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT”, và những thông tin như:

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà : NGUYỄN THỊ HỒNG T

Năm sinh: 1997, CMND số: 215399149

Địa chỉ thường trú: xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định và dòng chữ: CS 603162.

Mặt trong có ghi: Thửa đất số: 2059, tờ bản đồ số: 43, địa chỉ: Thôn 2, xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định, diện tích: 437m² (bằng chữ: Bốn trăm ba mươi bảy mét vuông), hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất ở 100m², Đất trồng cây lâu năm: 337m², thời hạn sử dụng: Đất ở: Lâu dài, Đất trồng cây lâu năm: 337m², nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 100m²; Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất: 337m²; Ở góc dưới thể hiện nội dung: Bình Định, ngày 10 tháng 10 năm 2017, SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH ĐỊNH, TUQ. GIÁM ĐỐC SỞ, GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, có chữ ký, in tên ông Nguyễn Hiến, đóng dấu màu đỏ và một số nội dung khác.

- 01 tờ giấy màu hồng, có những nội dung:

Mặt trước có ghi: “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” và những thông tin như:

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà : NGUYỄN THỊ HỒNG T

Năm sinh: 1997, CMND số: 215399149

Địa chỉ thường trú: xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định và dòng chữ: BL 802019.

Mặt trong có ghi: Thửa đất số: 1498, tờ bản đồ số: 15, địa chỉ: Thôn Hòa Trung, xã Bình Tường, huyện T3, tỉnh Bình Định, diện tích: 100m² (bằng chữ: Một trăm mét vuông), hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 100m², Sử dụng chung: Không

m², Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: Lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Ở góc dưới thể hiện nội dung: T3, ngày 24 tháng 8 năm 2018, TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, có chữ ký, in tên ông Bùi Văn Mỹ, đóng dấu màu đỏ và một số nội dung khác.

- 01 tờ giấy A4, có những nội dung như sau: GIẤY MƯỢN TIỀN; đề ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại địa điểm: Phú An, Tây Xuân, T3, Bình Định. Bên A: (Bên cho mượn) họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc T4, bên B: (Bên mượn), Nguyễn Thị Hồng T, địa chỉ: xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định và Lâm Văn Đ (Chồng), mượn số tiền: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), có 02 chữ ký ghi đầy đủ họ tên là Lâm Văn Đ và Nguyễn Thị Hồng T ở góc dưới bên phải, có 01 chữ ký ghi đầy đủ họ tên Nguyễn Thị Ngọc T4 ở góc dưới bên trái.

- 01 tờ giấy A4, có những nội dung như sau: GIẤY MƯỢN TIỀN; đề ngày 03 tháng 7 năm 2021, tại địa điểm: A, TX, T3, Bình Định. Bên A: (Bên cho mượn) họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc T4, bên B: (Bên mượn), Nguyễn Thị Hồng T, địa chỉ: xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định và Lâm Văn Đ (Chồng), mượn số tiền: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), có 02 chữ ký ghi đầy đủ họ tên là Lâm Văn Đ và Nguyễn Thị Hồng T ở góc dưới bên phải, có 01 chữ ký ghi đầy đủ họ tên Nguyễn Thị Ngọc T4 ở góc dưới bên trái.

Ngày 22/10/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T3 đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: VISION, màu đen, gắn biển số: 77H1-265.76 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên chủ xe: NGUYỄN VĂN H, sinh năm: 1966, địa chỉ: T2 - B - T3 - Bình Định bằng hình thức giao trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H.

Ngày 31/8/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T3 ra Quyết định trưng cầu giám định số: 76/QĐ trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định giám định tài liệu đối với: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY083732, ghi họ tên: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1997, CMND số: 215399149, địa chỉ thường trú: thôn T2, xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định; Và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 603162, ghi họ tên: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1997, CMND số: 215399149, địa chỉ thường trú: xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định. Theo Bản kết luận giám định số 273/PC09 ngày 14/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định kết luận: Cả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên đều là giả.

Vào ngày 18/10/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T3 đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 93/QĐ trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng giám định phục hồi, trích xuất dữ liệu điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 6S PLUS đã qua sử dụng, số EMEI: 355734078408262, kèm theo 01 sim, trên sim có dãy số 8984048000319939906. Theo Bản kết luận giám định số: 1267/C09C-Đ1 ngày 30/11/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Dữ liệu lưu trữ trong điện thoại tìm thấy:

- + Nhật ký cuộc gọi gồm 168 cuộc gọi (trong đó có 08 cuộc gọi Facetime);
- + 1667 tin nhắn SMS, 10 hội thoại tin nhắn iMessage;
- + 299 hội thoại tin nhắn trong ứng dụng Zalo;
- + Không tìm thấy dữ liệu nội dung tin nhắn trong ứng dụng Messenger;
- + 4349 file hình ảnh;
- + Không tìm thấy file âm thanh trong ứng dụng ghi âm.
- Tìm thấy 03 tin nhắn SMS lưu trữ trong SIM (trên SIM có dãy số: 8984048000319939906).

Vào ngày 28/12/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T3 ra Quyết định trưng cầu giám định số 07/QĐ trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định giám định tài liệu đối với: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 603162, ghi họ tên: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1997, CMND số: 215399149, địa chỉ thường trú: xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định; Và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 802019, ghi họ tên: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1997, CMND số: 215399149, địa chỉ thường trú: xã B, huyện T3, tỉnh Bình Định. Theo Bản kết luận giám định số 389/PC09 ngày 07/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định kết luận: Cả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên đều là giả.

Qua điều tra mở rộng vụ án đối với trang facebook “Giấy tờ Siêu tốc - Uy tín - Giá rẻ”, ghi nhận trang facebook này được đăng ký bởi số điện thoại 0925.661.800 và địa chỉ gmail kimleebm47@gmail.com. Cơ quan CSĐT - Công an huyện T3 đã gửi công văn đến Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Định để xác minh về địa chỉ gmail kimleebm47@gmail.com nhưng không có kết quả, đồng thời ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín đối với số điện thoại 0925.661.800 nhưng Công ty Cổ phần viễn thông di động Vietnamobile xác định không có ai sử dụng số điện thoại trên. Do vậy, không thể xác định đối tượng đứng sau sử dụng trang facebook “Giấy tờ Siêu tốc - Uy tín - Giá rẻ” đã nhận đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho T. T6 hành trưng cầu giám định chiếc điện thoại Iphone 6S Plus mà bị can T dùng để liên lạc với trang facebook “Giấy tờ Siêu tốc - Uy tín - Giá rẻ” tại Phân viện Khoa học hình sự thành phố Đà Nẵng, kết quả không phát hiện dữ liệu gì liên quan đến việc liên lạc, trao đổi của bị cáo T và trang facebook này.

* Về dân sự: Bị cáo T đã trả đủ số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) đã vay của chị Nguyễn Thị Ngọc T4, chị T4 đã có đơn bãi nại về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKSTS ngày 18/8/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện T3 đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

* Về hình phạt: Đề nghị HĐXX áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 341; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

* Về dân sự: Đương sự không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: **Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại di động, loại iPhone 6 Plus, vỏ màu vàng, số Imei: 355734078408262, số máy: MN2X2VN/A, số seerri: F2LYGDXSHFM4, có gắn sim số 0329530243 trên sim có dãy ký tự 8984048000319939906, đã qua sử dụng, màn hình có nhiều vết nứt (không kiểm tra chất lượng bên trong).**

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại chỗ để nuôi con nhỏ (hiện bị cáo đang mang thai hơn 05 tháng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T3, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về T4 quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T6 hành tố tụng, người T6 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T6 hành tố tụng, người T6 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở lời khai nhận tội của bị cáo, người làm chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Do cần tiền để gửi cho chồng làm ăn, trả nợ và chi tiêu cá nhân nên vào khoảng giữa tháng 6/2021, Nguyễn Thị Hồng T tìm hiểu và biết được chị Nguyễn Thị Ngọc T4 có cho vay tiền bằng hình thức thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 23/6/2021, T hẹn gặp chị T4 tại quán cà phê MN thuộc thôn X - xã B - huyện T3 - Bình Định để vay số tiền 100 triệu đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị B, có số phát hành là L247916, nhưng chị T4 không đồng ý vì giấy chứng nhận trên là mẫu cũ (thường gọi là sổ đỏ) và yêu cầu T pH1 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (thường gọi là sổ hồng) thì mới cho vay. T hứa sẽ mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác theo yêu cầu của chị T4 để đổi giấy chứng nhận theo mẫu cũ thì chị T4 đồng ý cho vay. Sau đó vài ngày, cha mẹ T hỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà B để đem đi đổi lại giấy mới thì lúc này T mới nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho chị T4 để đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà B mà bị cáo đã thế chấp trước đó. T lên mạng vào trang facebook “Giấy tờ Siêu tốc - Uy tín - Giá rẻ” tìm hiểu và nhắn tin thông qua ứng dụng Messenger để đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và được chủ tài khoản này gửi cho

04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, với tiền công là 03 triệu đồng. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, T mang 01 giấy chứng nhận giả có số phát hành là BL802019 đến đưa cho chị T4 và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà B. Đến ngày 03/7/2021, T tiếp tục sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả khác có số phát hành là CS603162 đến gặp và đưa cho chị T4 để vay thêm số tiền 40 triệu đồng. Sau đó, T tiếp tục nảy sinh ý định sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả còn lại đi vay tiền người khác để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên vào ngày 06/8/2021, T tìm hiểu, biết và đến gặp anh Nguyễn Việt T6 để hỏi vay tiền thì anh T6 nói không còn cho vay nữa và đã giới thiệu T sang nhà anh Võ Văn H1 để vay. Khi đến nhà và gặp anh H1 thì T nói cần vay số tiền 100 triệu đồng để làm ăn và sẽ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Anh H1 cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có số phát hành là CY083732 mà T đưa xem thì thấy nghi ngờ là giả nên đưa cho vợ là chị Nguyễn Thị Xuân T5 xem và đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của gia đình thì chị T5 phát hiện có nhiều điểm nghi ngờ nên nói cho anh H1 biết. Anh H1 đã điện thoại cho bạn là anh Huỳnh Văn C (giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T3) hỏi các thông tin về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đưa và nhờ anh C đến nhà xem giúp thì xác định giấy chứng nhận này là giả nên anh H1 đã báo cáo sự việc với cơ quan Công an để làm việc. Qua làm việc, Cơ quan điều tra Công an huyện T3 đã thu giữ thêm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả khác trong cốp xe mô tô biển số 77H1-265.76 mà bị cáo T điều khiển đến nhà anh H1, có số phát hành là CS603162.

[3] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ mà Cơ quan điều tra đã thu thập. Bị cáo T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do cần tiền trả nợ, bất chấp các quy định pháp luật đã dùng tiền đặt mua qua mạng 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giả), 03 lần sử dụng Giấy chứng nhận giả này để đi vay tiền người khác; đối chiếu với các quy định của pháp luật, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T3 truy tố bị cáo là có căn cứ.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị Hồng T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính, gây ảnh hưởng đến trật tự, trị an xã hội tại địa phương do vậy cần phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; đã hoàn trả đủ số tiền vay nợ cho chị Nguyễn Thị Ngọc T4; chị T4 có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên bị cáo được

hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo nghị nên áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung; mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đương sự không yêu cầu gì - Miễn xét.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, nghị nên: Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với: **01 điện thoại di động, loại iPhone 6 Plus, vỏ màu vàng, số Imei: 355734078408262, số máy: MN2X2VN/A, số sêri: F2LYGDXSHFM4, có gắn sim số 0329530243 trên sim có dây ký tự 8984048000319939906, đã qua sử dụng, màn hình có nhiều vết nứt (không kiểm tra chất lượng bên trong)** vì là phương tiện sử dụng liên lạc trong việc phạm tội.

[8] Đối với hành vi vay mượn số tiền 140.000.000đ của chị T4, đến ngày 10/6/2022 bị cáo T đã trả hết toàn bộ cho chị T4. Xét bị cáo không có ý định chiếm đoạt khoản tiền này của chị T4 (chỉ là hành vi gian dối trong dân sự) nên không cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với Lâm Văn Đ (chồng bị cáo T) không tham gia vào việc bị cáo đã dùng tiền đặt mua qua mạng 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giả), rồi 03 lần sử dụng các Giấy chứng nhận giả này để vay tiền người khác; sử dụng số tiền vay này mà không biết là do hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo T mà có - nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Đối với người đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bị cáo T thông qua trang facebook “Giấy tờ Siêu tốc - Uy tín - Giá rẻ”, quá trình điều tra bị cáo không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở điều tra, xác minh, xử lý.

[9] Về án phí hình sự sơ T4: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1, mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T pH1 chịu án phí hình sự sơ T4 với số tiền 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106, các Điều 135, 136, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị bắt thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với: 01 điện thoại di động, loại iPhone 6 Plus, vỏ màu vàng, số Imei: 355734078408262, số máy: MN2X2VN/A, số seri: F2LYGDXSHFM4, có gắn sim số 0329530243 trên sim có dãy ký tự 8984048000319939906, đã qua sử dụng, màn hình có nhiều vết nứt (không kiểm tra chất lượng bên trong).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/8/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện T3 và Công an huyện T3).

4. Về án phí sơ T4: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T pH1 chịu số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ T4.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ T4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

6. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện T3;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T3;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T3;
- Chi cục THADS huyện T3;
- Bộ phận HSNVCS Công an huyện T3;
- Bị cáo; bị hại;
- Đương sự vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T4
T4 PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam